

Số: **4751**/KH-UBND

Quảng Trị, ngày 25 tháng 9 năm 2017

KẾ HOẠCH

Triển khai Đề án “Tăng cường ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025”

Căn cứ Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 6200/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo,

UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong Ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) nhằm đẩy mạnh triển khai chính phủ điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo tại tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố; đổi mới nội dung, phương pháp dạy - học, kiểm tra, đánh giá; nghiên cứu khoa học và công tác quản lý tại các cơ sở giáo dục và đào tạo, góp phần hiện đại hóa và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2020

a) Trong công tác quản lý, điều hành

- + Hình thành cơ sở dữ liệu toàn ngành giáo dục và đào tạo;
- + Phấn đấu 100% các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục và đào tạo thực hiện quản lý hành chính, xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng;

+ 50% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến tối thiểu mức độ 3, trong đó 20% được xử lý trực tuyến mức độ 4 trên công giao tiếp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quảng Trị;

+ 50% cuộc họp giữa các cơ quan quản lý nhà nước và cơ sở giáo dục và đào tạo được áp dụng hình thức trực tuyến;

+ 70% lớp bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục được thực hiện qua mạng theo phương thức học tập kết hợp (blended learning);

+ 50% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến tối thiểu mức độ 3, trong đó 30% được xử lý trực tuyến ở mức độ 4;

b) Trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy - học, kiểm tra đánh giá, nghiên cứu khoa học và công tác quản lý:

+ Đối với các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên: Hình thành kho học liệu số dùng chung toàn ngành, gồm: Bài giảng, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác.

+ Phần đầu 90% cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý nhà trường; trong đó 70% trường học sử dụng số quản lý điện tử.

+ Đối với các trường Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng, Dạy nghề: Hình thành công thông tin điện tử, chia sẻ học liệu giữa các cơ sở đào tạo; áp dụng phương thức học tập kết hợp; phát triển một số mô hình đào tạo trực tuyến.

2.2. Định hướng đến năm 2025

Mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học đạt trình độ tiên tiến, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Công nghệ thông tin trở thành động lực đổi mới quản lý, nội dung, phương pháp dạy - học, kiểm tra đánh giá trong giáo dục và đào tạo.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

2.1. Triển khai, đưa vào sử dụng hệ thống công nghệ thông tin theo hướng hiện đại, thiết thực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin ở các cơ quan quản lý, cơ sở giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác tuyển sinh đầu cấp học cũng như trong toàn ngành giáo dục và đào tạo.

2.2. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý thống nhất trong toàn ngành Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu kết nối, liên thông, tích hợp, chia sẻ thông tin đối với các hệ thống thông tin từ tỉnh đến địa phương, cho phép các cơ sở giáo dục kết nối và chuyển tải thông tin một cách thống nhất và toàn diện từ Sở Giáo dục và Đào tạo đến Phòng Giáo dục và Đào tạo và các trường học (mầm non, tiểu học, THCS, THPT).

2.3. Triển khai hệ thống quản lý hành chính điện tử và liên thông toàn ngành; hệ thống họp, hội thảo, tập huấn chuyên môn qua mạng; bổ sung, cập nhật các dịch vụ công trực tuyến tối thiểu mức độ 3, nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính thông qua việc xây dựng và phát triển các loại hình dịch vụ công trực tuyến.

Tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong công tác thông tin, điều hành và tác nghiệp của Ngành Giáo dục và Đào tạo.

2.4. Sử dụng hệ thống phần mềm dùng chung phục vụ cho công tác quản lý thông tin giáo dục và đào tạo ở các phòng ban chuyên môn Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị trực thuộc và trường học các cấp như: Hệ thống thư điện tử; Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc - chỉ đạo điều hành; hệ thống quản lý cán bộ công chức - viên chức; hệ thống quản lý tài sản công; hệ thống quản lý thi đua - khen thưởng; quản lý học sinh, quản lý giáo viên, quản lý thi, xếp thời khóa biểu, sổ quản lý điện tử; tích hợp với trang tin điện tử của nhà trường trên môi trường mạng,...

2.5. Hoàn thiện và thường xuyên cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung thống nhất toàn ngành với đầu mối tại Sở Giáo dục và Đào tạo bao gồm: Bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến của các môn học, phần mềm kiểm tra, đánh giá tập trung qua mạng, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác, phục vụ quản lý và dạy - học trong toàn ngành.

2.6. Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng CNTT đáp ứng yêu cầu ứng dụng CNTT trong Ngành Giáo dục và Đào tạo bao gồm hạ tầng CNTT tại Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo và trường học; hệ thống học tập trực tuyến; kênh giao tiếp giữa nhà trường, giáo viên, học sinh và phụ huynh,... theo mô hình hệ thống hạ tầng CNTT dùng chung toàn ngành, tiến đến ứng dụng dạy - học thông minh ở các cơ sở giáo dục và đào tạo.

2.7. Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; quan tâm phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin chuyên trách chất lượng cao; Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên bằng nhiều hình thức theo định hướng đạt chuẩn quốc tế về tin học.

2.8. Đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức và hiệp hội công nghệ thông tin, thu hút nguồn vốn của doanh nghiệp thông qua hình thức hợp tác công tư (PPP) để đầu tư xây dựng các hệ thống công nghệ thông tin trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

2.9. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện cơ chế, chính sách về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, dạy - học, nghiên cứu khoa học. Hàng năm, tổ chức đánh giá công tác ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan quản lý giáo dục và các nhà trường.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhóm giải pháp ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành

1.1. Xây dựng kiến trúc hệ thống tổng thể ngành Giáo dục và Đào tạo, bao gồm: Kiến trúc, các chuẩn, tiêu chí cho việc liên thông kết nối và tích hợp các hệ thống phần mềm, chuẩn hóa và xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung toàn ngành trong đó thống nhất các thông tin tổng hợp từ tất cả các hệ thống quản lý từ các đơn vị, cơ sở giáo dục, bao gồm các phần mềm quản lý chuyên ngành; phần mềm

quản lý nhà trường, phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm tổng hợp số liệu thống kê và báo cáo;... đảm bảo an toàn, an ninh hệ thống, tiến tới kết nối và liên thông với hệ thống Chính quyền điện tử của tỉnh.

1.2. Xây dựng quy chế vận hành và khai thác thông tin trên hệ thống công thông tin giáo dục tỉnh, bao gồm các quy định kết nối và cung cấp thông tin, phân quyền quản lý và tổng hợp thông tin, chia sẻ và chuyển tải thông tin, truy xuất và kết xuất thông tin,...

1.3. Triển khai hệ thống phần mềm dùng chung sử dụng thống nhất từ Sở Giáo dục và Đào tạo đến Phòng Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị, cơ sở giáo dục; hệ thống thư điện tử; hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc, chỉ đạo điều hành; hệ thống họp trực tuyến; hệ thống thẻ học sinh điện tử;...

1.4. Tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong công tác quản lý, điều hành và tác nghiệp của ngành Giáo dục và Đào tạo.

2. Nhóm giải pháp ứng dụng CNTT trong công tác thông tin, cải cách hành chính

2.1. Triển khai hệ thống công thông tin điện tử ngành Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở dữ liệu tập trung do Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý, điều hành. Các trang thông tin thành viên được toàn quyền quản trị, quản lý trang thông tin của đơn vị mình. Công thông tin điện tử của ngành Giáo dục và đào tạo là kênh thông tin chính thống của ngành Giáo dục và đào tạo nhằm cung cấp kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, của chính quyền và của ngành Giáo dục và đào tạo; cùng tham gia phân biện xã hội nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm và uy tín của ngành Giáo dục và Đào tạo.

2.2. Gắn chặt ứng dụng CNTT với cải cách hành chính, tích hợp dịch vụ công trực tuyến trong công thông tin điện tử. Đảm bảo cung cấp đầy đủ các ứng dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 1,2 và mức độ 3, 4. Ưu tiên cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Triển khai tích hợp các dịch vụ công trực tuyến lên Cổng dịch vụ công của tỉnh.

2.3. Thông qua hệ thống công thông tin điện tử tăng cường công tác cải cách hành chính với việc cung cấp các ứng dụng dịch vụ công trực tuyến cấp 1,2 và cấp 3, 4.

2.4. Thông qua hệ thống công thông tin điện tử, xây dựng môi trường giao tiếp tương tác giữa phụ huynh học sinh với nhà trường và các cơ sở giáo dục thông qua các phương tiện truyền thông điện tử như mạng máy tính, các thiết bị di động (điện thoại di động, máy tính bảng,..) nhằm nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa *nhà trường, gia đình và xã hội* qua đó nâng cao chất lượng giáo dục.

2.5. Triển khai một hệ thống thông tin quản lý giáo dục thống nhất với đầu mối tại Sở Giáo dục và Đào tạo, phục vụ cho công tác quản lý thông tin giáo dục và đào tạo ở các phòng ban chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị, cơ sở giáo dục trực thuộc.

2.6. Phát triển các hệ thống phòng họp trực tuyến nhằm nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính; chỉ đạo, điều hành của ngành, tiến tới các hình thức

đào tạo trực tuyến, tập huấn trực tuyến.

3. Nhóm giải pháp ứng dụng CNTT trong dạy - học

3.1. Xây dựng và triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác dạy - học như: Công thông tin điện tử tích hợp dành cho giáo viên, học sinh và phụ huynh; hệ thống bài giảng điện tử, sách giáo khoa điện tử, ngân hàng đề thi,... qua đó giúp học sinh học tập trên môi trường internet một cách khoa học và hiệu quả; kênh giao tiếp giữa nhà trường với giáo viên, học sinh và phụ huynh thông qua công thông tin, hệ thống thư điện tử và hệ thống tin nhắn trên các thiết bị di động nhằm nâng cao hiệu quả công tác rèn luyện đạo đức và học tập của học sinh.

3.2. Hình thành mối quan hệ hợp tác quốc tế về giáo dục nhằm tiếp nhận các nguồn thông tin, các chương trình giáo dục tiên tiến để tổ chức tập huấn, xây dựng và nhân rộng các mô hình dạy học tiên tiến tích hợp CNTT phù hợp với giáo dục của tỉnh. Tổ chức tập huấn các phần mềm hỗ trợ thiết kế bài giảng điện tử theo định hướng E-learning; các lớp tập huấn ứng dụng các công cụ tương tác trực tuyến trên môi trường internet theo định hướng tiên tiến hóa, hiện đại hóa kỹ thuật dạy học và phương pháp dạy học.

3.3. Nâng cao năng lực ứng dụng CNTT trong dạy học cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh theo định hướng tiếp cận chuẩn khu vực và quốc tế về CNTT.

3.4. Xây dựng và phát triển các mô hình lớp học thông minh, trường học thông minh tiến tới phát triển mô hình giáo dục thông minh.

4. Nhóm giải pháp về đầu tư hạ tầng CNTT

4.1. Đầu tư hạ tầng CNTT theo công nghệ hiện đại cho ngành giáo dục đào tạo bao gồm hoàn chỉnh hạ tầng CNTT tại Sở Giáo dục và Đào tạo, phòng Giáo dục các huyện, thị xã, thành phố và trường học các cấp theo mô hình hệ thống hạ tầng dùng chung trong ngành; hệ thống đủ mạnh để triển khai một cách hiệu quả các ứng dụng trực tuyến trên môi trường internet.

4.2. Xây dựng hệ thống phòng họp trực tuyến qua mạng giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với các cơ sở giáo dục thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.3. Đảm bảo 100% các đơn vị, cơ sở giáo dục được kết nối đường truyền Internet tốc độ cao; 100% các đơn vị, cơ sở giáo dục có đủ máy tính để phục vụ công tác quản lý, công tác dạy - học bộ môn Tin học và các môn học khác.

4.4. Phát triển hệ thống xác thực dùng chung của Sở Giáo dục và Đào tạo theo cơ chế đăng nhập một lần (single sign on); triển khai hệ thống chứng thực điện tử và chữ ký số.

4.5. Triển khai áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin theo tiêu chuẩn, quy chế hiện hành; giám sát an toàn thông tin cho các hệ thống.

5. Nhóm giải pháp nâng cao nhận thức, kiện toàn đội ngũ cán bộ phụ trách CNTT

5.1. Tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi nâng cao hiểu biết, nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, lợi ích của ứng dụng CNTT trong Giáo dục và

Đào tạo. Nâng cao nhận thức của lãnh đạo các đơn vị, cơ sở giáo dục, phải gương mẫu, đi đầu trong việc ứng dụng CNTT tại đơn vị mình.

5.2. Xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ phụ trách CNTT của các đơn vị, cơ sở giáo dục có đủ năng lực, trình độ chuyên môn giúp đơn vị triển khai ứng dụng CNTT có hiệu quả.

5.3. Bổ sung đội ngũ cán bộ chuyên trách về CNTT cho cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo cũng như các cơ sở giáo dục trong tỉnh.

6. Nhóm giải pháp về môi trường pháp lý, thể chế, chính sách

6.1. Thành lập Ban chỉ đạo CNTT ngành giáo dục và đào tạo, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo môi trường pháp lý cho các hoạt động quản lý, dạy-học, nghiên cứu khoa học trên môi trường mạng; lồng ghép các chính sách, nội dung về ứng dụng CNTT khi xây dựng các văn bản pháp luật.

6.2. Xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn về CNTT trong Giáo dục và đào tạo, các quy trình nghiệp vụ chuẩn; ban hành tiêu chí chung cho các hệ thống, ứng dụng CNTT phổ biến, các căn cứ để thuê dịch vụ CNTT; Ban hành quy chế về ứng dụng và khai các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

6.3. Cụ thể hoá và thể chế hoá chính sách đầu tư ứng dụng CNTT và khuyến khích ứng dụng CNTT trong giáo dục và đào tạo.

6.4. Ưu tiên bố trí kinh phí theo kế hoạch ngân sách hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch phát triển và ứng dụng CNTT trong ngành Giáo dục và đào tạo; huy động các nguồn lực tài chính khác nhau để phát triển và ứng dụng CNTT trong ngành, ưu tiên triển khai các nhiệm vụ, dự án theo hình thức thuê dịch vụ CNTT, hợp tác công tư (PPP).

6.5. Xây dựng các chính sách hợp lý nhằm thu hút nguồn nhân lực CNTT có chất lượng cao cho ngành Giáo dục và Đào tạo của tỉnh, ưu tiên các vị trí chuyên trách và phụ trách CNTT tại các đơn vị, cơ sở giáo dục. Xây dựng chính sách ưu đãi thích hợp cho cán bộ chuyên trách về CNTT trong ngành Giáo dục và Đào tạo.

6.6. Đưa nhiệm vụ ứng dụng CNTT vào kế hoạch công tác hàng năm, đảm bảo đây là một nội dung bắt buộc trong kế hoạch công tác của các đơn vị, cơ sở giáo dục. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch, nhiệm vụ CNTT đối với các đơn vị, cơ sở giáo dục. Hằng năm, tổ chức đánh giá mức độ ứng dụng CNTT trong hoạt động của các đơn vị, cơ sở trường học trên địa bàn tỉnh; đưa tiêu chí đánh giá về ứng dụng CNTT vào đánh giá nhà trường.

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

4.1. Giai đoạn 2017 - 2018

1. Xây dựng hệ thống Công thông tin điện tử ngành Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo 100% các đơn vị cơ sở giáo dục có công thông tin điện tử và được kết nối với Công thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo theo Thông tư số 53/2012/TT-BGDĐT ngày 20/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và công thông tin điện tử tại Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông.

2. Tiếp tục củng cố và phát triển các phần mềm quản lý gồm: Phần mềm quản lý văn bản điều hành, phần mềm quản lý thông tin nhà trường, phần mềm quản lý thi đua khen thưởng,...

3. Xây dựng các quy chế và quy định làm cơ sở pháp lý cho việc vận hành và khai thác thông tin cho hệ thống thông tin giáo dục tỉnh Quảng Trị.

4. Xây dựng hệ thống dữ liệu thống nhất toàn ngành Giáo dục và Đào tạo, làm cơ sở cho việc xây dựng các mạng thông tin quản lý ngành, mạng thông tin giáo dục học đường, mạng thông tin giáo dục cộng đồng.

5. Tất cả các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, các Phòng Giáo dục và Đào tạo và trường học xây dựng hệ thống mạng LAN, trang bị đường truyền Internet tốc độ cao và các thiết bị phục vụ cho việc kết nối với hệ thống thông tin giáo dục của tỉnh.

6. Tất cả các đơn vị cơ sở giáo dục, các trường học sử dụng phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc trong quá trình chỉ đạo điều hành và báo cáo kết quả thực hiện công việc cho lãnh đạo các cấp.

7. Có 95% văn bản, tài liệu chính thức được trao đổi hoàn toàn dưới dạng văn bản điện tử (trừ các văn bản, tài liệu mật) trong công tác thông tin, điều hành tác nghiệp của ngành.

8. Tăng cường công tác cải cách hành chính thông qua việc xây dựng ứng dụng dịch vụ công trực tuyến cấp 1, 2, 3 và 4. Ưu tiên cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đạt 20%. Triển khai tích hợp các dịch vụ công trực tuyến lên cổng dịch vụ công của tỉnh.

9. Xây dựng cổng thông tin tích hợp về giáo dục cộng đồng bao gồm hệ thống đào tạo từ xa và học trực tuyến (E-learning), hệ thống thư viện điện tử, hệ thống bài giảng điện tử đáp ứng yêu cầu người sử dụng.

10. Nâng cao trình độ CNTT cho cán bộ, giáo viên học và học sinh, đảm bảo có thể ứng dụng CNTT trong dạy - học và trong nghiên cứu khoa học.

11. Hoàn thành hệ thống dữ liệu dùng chung toàn ngành: Bài giảng điện tử, phần mềm mô phỏng, sách giáo khoa điện tử, ngân hàng đề và các học liệu khác...

12. Đầu tư hạ tầng CNTT theo công nghệ hiện đại bao gồm hoàn chỉnh hạ tầng CNTT tại Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố và trường học các cấp theo mô hình hệ thống hạ tầng dùng chung trong toàn ngành. Bước đầu xây dựng hệ thống hợp, đào tạo trực tuyến tại Sở.

4.2. Giai đoạn 2019 - 2020

1. Tiếp tục cập nhật, xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống dữ liệu giáo dục dùng chung, những nội dung đang triển khai trong giai đoạn trước làm cơ sở cho việc xây dựng các mạng thông tin quản lý giáo dục, mạng thông tin giáo dục học đường, mạng thông tin giáo dục cộng đồng phát triển trong giai đoạn mới.

2. Tiếp tục cập nhật, hoàn chỉnh hệ thống các phần mềm quản lý, đảm bảo 100% các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường học và các cơ sở giáo dục sử dụng có hiệu quả hệ thống trong quá trình chỉ đạo điều hành và tác nghiệp.

3. Xây dựng phần mềm quản lý cán bộ công nhân viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo. Đảm bảo 100% cán bộ, công chức, viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh được quản lý trên phần mềm nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý cán bộ, công nhân viên chức của ngành.

4. Phấn đấu 50% phụ huynh học sinh tương tác với nhà trường và các cơ sở giáo dục thông qua các phương tiện truyền thông điện tử như mạng máy tính, các thiết bị di động (điện thoại di động, máy tính bảng,...).

5. Nâng cao trình độ tin học cho giáo viên và học sinh phổ thông, đảm bảo học sinh có thể ứng dụng tin học trong học tập, trong nghiên cứu khoa học, giáo viên các cấp đạt chuẩn nghề nghiệp về trình độ tin học, định hướng theo chuẩn trình độ quốc tế. Phấn đấu đến năm 2020 có 30% giáo viên đạt chuẩn tin học theo các Thông tư liên tịch của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.

6. Có 100% các trường học triển khai hệ thống quản lý nhà trường và sổ quản lý điện tử (thay sổ giấy), thực hiện hệ thống báo cáo tập trung; tích hợp chữ ký số vào quản lý văn bản.

7. Xây dựng hệ thống hợp, đào tạo trực tuyến đến các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cụm trường ở các đơn vị trực thuộc.

4.3. Định hướng đến năm 2025

1. Kết nối cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo với cơ sở dữ liệu của tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo, tiến tới phát triển mô hình trường học thông minh, cùng với tỉnh cơ bản đạt được các mục tiêu “Tỉnh, thành phố thông minh”.

2. Có 100% trường học các cấp được triển khai phần mềm quản lý trường học lưu trữ thông tin quản lý học sinh, giáo viên tại trung tâm dữ liệu của tỉnh. Hệ thống thông tin giáo viên, học sinh được chia sẻ giữa trường học các cấp phục vụ quá trình quản lý dạy và học của giáo viên và học sinh.

3. Có 100% giáo viên đạt chuẩn tin học theo các Thông tư liên tịch của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội Vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập, trong đó có 10% giáo viên đạt chuẩn theo trình độ tin học quốc tế.

4. Có 70% phụ huynh học sinh tương tác với nhà trường và các cơ sở giáo dục thông qua các phương tiện truyền thông điện tử như mạng máy tính, các thiết bị di động (điện thoại di động, máy tính bảng,...).

5. Có 50% trường học các cấp được trang bị thiết bị hỗ trợ CNTT trong việc giảng dạy. Giáo viên giảng dạy chủ yếu bằng bài giảng điện tử, bài giảng E-Learning. Việc tổ chức thi và chấm điểm cho học sinh thông qua hệ thống trắc nghiệm trên máy tính. Hệ thống đào tạo bồi dưỡng từ xa qua mạng (E-learning) được triển khai rộng rãi trên địa bàn tỉnh.

6. Triển khai lớp học thông minh, lớp học tương tác, trường học thông minh tại các cụm địa bàn trung tâm.

VI. KINH PHÍ, CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

1. Kinh phí

- Kinh phí thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học ngành Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025 được huy động từ các nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và nguồn huy động hợp pháp khác, trong đó nguồn ngân sách địa phương được bố trí tùy theo khả năng ngân sách nhà nước hàng năm.

- Trên cơ sở nội dung kế hoạch này, UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT của địa phương và bố trí ngân sách để thực hiện.

2. Cơ chế tài chính

a) Bảo đảm nguồn kinh phí cho ứng dụng CNTT trong kế hoạch ngân sách hàng năm của tỉnh, địa phương bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển; đặc biệt ưu tiên nguồn kinh phí cho các đề án, dự án phát triển CNTT trong ngành Giáo dục và Đào tạo;

b) Tăng cường vận động các nguồn hỗ trợ, tài trợ từ các tổ chức, cá nhân cho đầu tư và ứng dụng CNTT và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác, sử dụng nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, dự án liên quan đã được phê duyệt và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ.

c) Ưu tiên triển khai theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, hợp tác công tư (PPP), giao nhiệm vụ, hình thức đặt hàng tùy theo từng nhiệm vụ cụ thể.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, các địa phương tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể của kế hoạch này.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình ứng dụng CNTT và tổng hợp kết quả thực hiện; hằng năm báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể trong kế hoạch cho UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Cụ thể hóa các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp trong các chương trình, kế hoạch ứng dụng CNTT của ngành Giáo dục và Đào tạo trong từng năm học, từng giai đoạn.

- Hằng năm, xây dựng kế hoạch triển khai các dự án thành phần, dự toán kinh phí trong kế hoạch ngân sách, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình và UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện kế hoạch; đề xuất, kiến nghị với UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo điều chỉnh bổ sung một số nội dung trong kế hoạch khi cần thiết.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện các nội dung về ứng dụng công nghệ thông tin, dịch vụ công nghệ thông tin, phát triển nhân lực công nghệ thông tin

theo kế hoạch này.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các Sở, Ban, ngành, các địa phương liên quan bố trí kinh phí thường xuyên để thực hiện kế hoạch; giao, phân bổ dự toán chi ngân sách; cấp phát kinh phí thực hiện kế hoạch.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo và các địa phương có liên quan bố trí vốn đầu tư phát triển theo cơ chế hỗ trợ để thực hiện kế hoạch này.

5. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Trên cơ sở mục tiêu, nội dung, giải pháp của kế hoạch này, cụ thể hóa trong các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; chỉ đạo các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc thẩm quyền quản lý triển khai và bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch, đảm bảo tính thống nhất giữa ngành với địa phương và toàn tỉnh.

- Trong kế hoạch ngân sách hàng năm của các địa phương phải bao gồm mục chi cho kế hoạch ứng dụng CNTT của ngành Giáo dục và Đào tạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: GD&ĐT; Tài chính; TT&TT;
Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu VT, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Thúc